

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bảo Thắng,
tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Xét đề nghị của UBND huyện Bảo Thắng tại Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 28/5/2015 và ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 168/TTr-SKH ngày 25/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung sau:

I. Quan điểm phát triển

- Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế ở mức cao, đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội, giảm bớt khoảng cách chênh lệch về mức sống, giàu nghèo, khó khăn giữa các tầng lớp dân cư và các vùng trên địa bàn huyện.

- Khai thác tối đa nội lực, kết hợp với sự hỗ trợ của tỉnh và Trung ương để tập trung mọi nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông kết nối với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã được quy hoạch; thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế để phát triển sản xuất hàng hóa.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái, khoanh nuôi, bảo vệ rừng; Gắn phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; Giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội như: giảm nghèo nhanh bền vững, giải quyết việc làm, giải quyết các tệ nạn xã hội; thực hiện tốt các chính sách dân tộc.

- Gắn các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện với việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh Lào Cai, Chiến lược của vùng TDMNPB và của

Quốc gia trên địa bàn. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp xã.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu phát triển chung

Phát triển Bảo Thắng trở thành trung tâm kinh tế của tỉnh Lào Cai về công nghiệp chế biến khoáng sản, sản xuất nông nghiệp trình độ cao; Xã hội phát triển văn minh, hiện đại; Các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống được bảo tồn và phát huy; Môi trường sinh thái tự nhiên được bảo đảm bền vững; Duy trì ổn định an ninh, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới quốc gia.

Đến năm 2020, Bảo Thắng trở thành huyện phát triển khá của tỉnh Lào Cai. Đến năm 2030, phát triển Bảo Thắng trở thành huyện phát triển top đầu của tỉnh Lào Cai.

2. Mục tiêu phát triển cụ thể

a. Giai đoạn đến năm 2020:

- Nhóm mục tiêu tăng trưởng kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập trên địa bàn¹ bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 13,9%/năm, trong đó: Tăng trưởng thu nhập khu vực nông, lâm thủy sản đạt 6,1%/năm; tăng trưởng thu nhập khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 21%/năm; tăng trưởng thu nhập khu vực dịch vụ đạt 14,5%/năm.

Cơ cấu kinh tế của huyện² theo trật tự: Nông, lâm và thủy sản - Công nghiệp, Xây dựng - Dịch vụ đến năm 2015: 34,84% - 26,99% - 38,17%; đến năm 2020: 22,89% - 35,94% - 41,17%.

(2) Đến năm 2015, tổng thu nhập trên địa bàn bình quân đầu người³ đạt 20,7 triệu đồng; đến năm 2020, phấn đấu đạt 32,7 triệu đồng.

- Nhóm mục tiêu xã hội:

(1) Thực hiện tốt các biện pháp kiểm soát dân số, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2%/năm giai đoạn 2016-2020; quy mô dân số 116,26 nghìn người vào năm 2020.

(2) Tỷ lệ dân số đô thị 33,9% và đạt 39,44 nghìn người vào năm 2020.

(3) Giai đoạn 2016-2020, mức giảm tỷ lệ nghèo bình quân khoảng 3-3,5%/năm.

(4) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt trên 60%.

¹ Đã bóc tách GTSX công nghiệp của các doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn

² Đã bóc tách GTSX công nghiệp của các doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn

³ Đã bóc tách GTSX công nghiệp của các doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn

(5) Nông thôn mới: Giai đoạn 2016-2020, mỗi năm có 01 xã đạt tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới; đến năm 2020 huyện có 09 xã đạt tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

(6) Công tác an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

- Mục tiêu về bảo vệ môi trường:

(1) Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 52%.

(2) Đến năm 2020, đảm bảo 98% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; trên 95% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh; 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% tổng lượng chất thải rắn được thu gom và xử lý.

b. Tầm nhìn đến năm 2030:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập trên địa bàn bình quân đạt 10,5%/năm, trong đó: Tăng trưởng thu nhập khu vực nông, lâm thủy sản đạt 5%/năm; tăng trưởng thu nhập khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 11%/năm; tăng trưởng thu nhập khu vực dịch vụ đạt 12%/năm.

Cơ cấu của nền kinh tế theo trật tự: Nông, lâm và thủy sản - Công nghiệp, Xây dựng - Dịch vụ sẽ là: 15,4% - 39,2% - 45,4%.

(2) Đến năm 2030, tổng thu nhập trên địa bàn bình quân đầu người đạt 90,9 triệu đồng.

(3) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 75%.

(4) Nông thôn mới: Đến năm 2030, phần đầu 100% số xã đạt tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

(5) Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ của rừng đạt 52%.

III. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

1. Phát triển nông, lâm, thủy sản

- Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 7,0%/năm, trong đó, tăng trưởng GTSX ngành nông nghiệp đạt 7,9%/năm; ngành lâm nghiệp đạt 0,7%/năm và ngành thủy sản đạt 8,5%/năm.

- Giai đoạn 2021-2030, tốc độ tăng trưởng GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5,1%/năm, trong đó, tăng trưởng GTSX ngành nông nghiệp đạt 5,4%/năm; ngành lâm nghiệp đạt 0,5%/năm và ngành thủy sản đạt 4,5%/năm.

- Giá trị sản phẩm thu được trên 1 héc ta đất trồng trọt đạt 55 triệu đồng năm 2015, đạt 75,5 triệu đồng năm 2020 và đạt 90 triệu đồng vào năm 2030.

a) Trồng trọt:

- Đối với cây lúa: Duy trì ổn định diện tích lúa cả năm là 3.969 ha vào năm 2020 và năm 2030, năm suất bình quân đạt trên 53 tạ/ha.

Quy hoạch diện tích đất trồng lúa chất lượng cao đạt 500 ha vào năm 2020 và đạt 1.500 ha vào năm 2030. Phát triển vùng lúa chất lượng cao tập trung ở các xã Phong Niên, Thái Niên, Phú Nhuận, Xuân Quang.

- *Đối với cây ngô*: Đến năm 2020 và năm 2030, duy trì ổn định diện tích gieo trồng ngô là 3.785 ha, năng suất bình quân đạt trên 40 tạ/ha. Hình thành các vùng trồng ngô tập trung hàng hóa tại các xã: Xuân Quang, Xuân Giao, Sơn Hà, Trì Quang, Phong Hải, Phong Niên, Phú Nhuận.

- *Rau, đậu các loại*: Duy trì diện tích trồng rau, đậu các loại đạt 2.125 ha vào năm 2020 và năm 2030.

Đến năm 2020, diện tích rau an toàn phần đầu đạt 500 ha. Sau năm 2020, mở rộng quy mô diện tích rau an toàn lên 1.500 ha. Hình thành các vùng trồng rau tập trung an toàn tại các xã: Gia Phú, Xuân Giao, Sơn Hải, Phú Nhuận, thị trấn Phong Hải.

- Đến năm 2020, tập trung phát triển một số loại cây ăn quả hàng hóa: Diện tích cây ăn quả có múi (bưởi, chanh) là 464,6 ha; cây chuối 420 ha; cây nhãn 718 ha; cây na 248 ha.

- Đến năm 2030, tăng diện tích một số loại cây ăn quả hàng hóa: Cây chuối 500 ha, cây na 280 ha, cây có múi (bưởi, chanh) 500 ha.

- *Cây chè*: *Đối với diện tích chè hiện có*: Ổn định đầu tư thâm canh tăng năng suất diện tích chè kinh doanh đã có khoảng 847,56 ha/năm.

Phát triển vùng chè chất lượng cao: Giai đoạn đến năm 2020, trồng mới 300 ha chè bằng giống chè chất lượng cao (Kim Tuyên, Ô Long và Phúc Vân Tiên). Diện tích trồng chè chất lượng cao được bố trí chủ yếu ở các xã: Thị trấn Phong Hải (85ha), Trì Quang (20ha), Phú Nhuận (70ha), Xuân Quang (60ha), Thái Niên (20ha), Xuân Giao (20ha), Phong Niên (25ha).

- *Cây cao su*: Đến năm 2020, phần đầu diện tích trồng cao su đạt 1.500 ha và duy trì diện tích trên 2.000 ha vào năm 2030.

- *Cây quế*: Đến năm 2020, phần đầu diện tích trồng quế đạt 2.500 ha và duy trì diện tích quế 2.500 ha vào năm 2030.

- *Cây hoa*: Phát triển, mở rộng vùng trồng hoa tương cắt cành với quy mô 25 ha tại xã Lu.

b) Chăn nuôi:

- *Phát triển đàn trâu*: Đến năm 2020, tổng đàn trâu đạt trên 14.300 con, tốc độ tăng đàn đạt 1,6%/năm (giai đoạn 2016-2020), sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt 210 tấn. Đàn trâu phát triển chủ yếu tại các xã: Gia Phú, Phong Hải, Phú Nhuận, Phong Niên, Xuân Quang, Trì Quang, Xuân Giao.

- *Phát triển đàn bò*: Đến năm 2020, phấn đấu đưa tổng đàn bò đạt trên 1.400 con, tốc độ tăng trưởng đàn bò đạt 3,1%/năm (giai đoạn 2016-2020), sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt 120 tấn.

- *Chăn nuôi lợn*: Đến năm 2020, phấn đấu đạt 210 ngàn con, tốc độ tăng trưởng đàn lợn đạt 5,5%/năm (giai đoạn 2016-2020). Định hướng đến năm 2030 tổng đàn lợn đạt 370 ngàn con, tốc độ tăng trưởng đàn đạt 5,8%/năm. Phát triển chăn nuôi lợn tập trung tại các xã: Xuân Quang, Gia Phú, Xuân Giao, Sơn Hà, Phú Nhuận, Phong Niên.

- *Chăn nuôi gia cầm*: Đến năm 2020 tổng đàn gia cầm đạt 1.750 ngàn con, tốc độ tăng trưởng đàn đạt 5,9%/năm (2016-2020), sản lượng thịt gia cầm giết mổ là 2.749 tấn. Đến năm 2030, tổng đàn gia cầm đạt 2.945 ngàn con, tốc độ tăng đàn đạt 5,3%/năm. Phát triển chăn nuôi gia cầm tập trung tại các xã: Phong Hải, Xuân Quang, Gia Phú, Trì Quang, Thái Niên, Phú Nhuận, Sơn Hà.

- Nâng cao chất lượng đàn lợn thịt, đến năm 2020, phấn đấu tỷ trọng đàn lợn hướng nạc đạt khoảng 60% tổng đàn lợn thịt.

- Bố trí những diện tích đất có hiệu quả kinh tế thấp chuyển sang trồng cỏ thâm canh tạo nguồn thức ăn dự trữ vào mùa đông.

c) Phát triển nuôi trồng thủy sản:

- Đến năm 2020 diện tích nuôi trồng thủy sản 640 ha, sản lượng đạt 2.264 tấn, chủ yếu tập trung ở các xã Phú Nhuận, thị trấn Nông trường Phong Hải, Gia Phú, Xuân Quang. Thu hút đầu tư phát triển nuôi cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm...), trong đó trước mắt, tập trung phát triển nuôi cá nước lạnh tại khu vực thác Đầu Nhuận, xã Phú Nhuận để phát triển du lịch sinh thái tại khu vực này.

- Phát triển sản xuất giống thủy sản (cá, tôm) cung cấp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản tại huyện và các khu vực lân cận.

(d) Phát triển lâm nghiệp: Bảo vệ diện tích rừng hiện có (năm 2014, tổng diện tích rừng huyện quản lý, bảo vệ là 34.076 ha), trồng rừng 450 ha, cải tạo rừng 100 ha, làm giàu rừng 300 ha, trồng cây phân tán 1 triệu cây.

2. Phát triển công nghiệp

- Giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng giá trị sản xuất (GTSX) toàn ngành công nghiệp đạt 21,3%/năm, trong đó, tăng trưởng GTSX công nghiệp khai thác đạt 15,5%/năm, công nghiệp chế biến đạt 21,5%/năm, công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước đạt 20%/năm.

- Giai đoạn 2021-2030, tăng trưởng giá trị sản xuất (GTSX) toàn ngành công nghiệp đạt 16,3%/năm, trong đó, tốc độ tăng trưởng GTSX công nghiệp khai thác đạt 10,5%/năm, công nghiệp chế biến đạt 16,5%/năm, công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước đạt 15,6%/năm.

- *Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản*: Khai thác khoáng sản gắn với chế biến sâu, áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu tác động môi trường, cải thiện điều kiện làm việc và an toàn lao động. Duy trì năng lực khai thác và chế biến các mỏ đang hoạt động; nâng công suất nhà máy luyện gang thép Lào Cai tại Khu công nghiệp Tăng Loỏng lên 2 triệu tấn/năm.

- *Phát triển công nghiệp sản xuất phân bón, hóa chất*: Đầu tư nhà máy DAP số 2 từ 330 nghìn tấn/năm lên 700 nghìn tấn/năm; nâng công suất nhà máy phốt pho vàng Lào Cai từ 2.000 tấn/năm lên 10.000 tấn/năm.

- *Công nghiệp chế biến nông, lâm sản*: Thu hút đầu tư để xây dựng các cơ sở thu mua và chế biến các sản phẩm chè chất lượng cao, mùn cao su, quế.

Sau năm 2020, thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến thịt gia súc, gia cầm phục vụ thị trường tại chỗ và xuất khẩu.

Thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn gia súc, gia cầm tại xã Sơn Hà.

- *Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng*: Đẩy mạnh đầu tư sản xuất gạch không nung chất lượng cao thay thế dần gạch nung từ đất sét; sớm xóa bỏ các lò gạch nung thủ công nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- *Công nghiệp phụ trợ*: Phát triển các ngành cơ khí cung cấp dịch vụ sửa chữa máy, thiết bị, các phương tiện vận tải... gắn với các đô thị và khu vực sản xuất công nghiệp tập trung.

- *Phát triển các khu, cụm công nghiệp*: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (KCN) Tăng Loỏng; thu hút đầu tư sớm lấp đầy diện tích mới mở rộng (300 ha) tại KCN Tăng Loỏng. Thu hút đầu tư sớm hoàn thành cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp huyện quản lý như: Gia Phú, Xuân Quang, Bản Phiệt và cụm công nghiệp phụ trợ tại xã Xuân Giao.

3. Phát triển một số ngành dịch vụ

Giai đoạn 2016-2020, tăng trưởng tổng bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 25,3%/năm, đạt 7.126 tỷ đồng năm 2020 và phấn đấu đạt 23,7%/năm ở giai đoạn 2021-2030 và đạt 59.859 tỷ đồng vào năm 2030..

- Đối với khu vực đô thị (03 thị trấn): Đầu tư nâng cấp chợ thị trấn theo chuẩn (theo tiêu chí chợ loại 3) vào năm 2020.

- Đối với khu vực nông thôn: Giai đoạn 2016-2020, xây mới 02 chợ đạt tiêu chí chợ loại III tại các xã Sơn Hà, xã Trì Quang. Sau năm 2020, đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ 10 xã hiện đã có thành chợ đạt tiêu chí chợ loại III.

- Thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch sinh thái tại khu vực thác Đầu Nhuận, xã Phú Nhuận.

- Quy hoạch lò giết mổ gia súc, gia cầm: Xây dựng 01 lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Xuân Giao.

- Phát triển hoạt động xuất nhập khẩu tại lối mở Bản Quán, xã Bản Phiệt: Đến năm 2020, quy hoạch, đầu tư xây mới và nâng cấp sở hạ tầng khu vực lối mở Bản Quán, trong đó tập trung đầu tư nâng cấp tuyến đường đến lối mở Bản Quán, quy hoạch và đầu tư xây dựng chợ biên giới, cơ sở lưu trú, ăn uống... phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu khu vực lối mở.

4. Phát triển văn hóa, xã hội

4.1. Dân số, lao động, việc làm

- Đến năm 2020, dân số trung bình là 116.261 người. Số người trong độ tuổi lao động 72.289 người, trong đó số lao động trong độ tuổi đang làm trong các ngành kinh tế 71.528 người, chiếm 99,4% số lao động trong độ tuổi. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế như sau: CN-XD: 10.364 người (chiếm 14,5%); nông, lâm và thủy sản: 49.557 người (chiếm 69,3%); dịch vụ: 11.607 người (chiếm 16,2% tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế).

- Đến năm 2030, dân số trung bình của huyện 129.701 người. Số người trong độ tuổi lao động là 84.725 người, trong đó số lao động trong độ tuổi đang làm trong các ngành kinh tế 83.694 người, chiếm 98,8% số lao động trong độ tuổi. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế như sau: CN-XD: 23.434 người (chiếm 28%); nông, lâm và thủy sản: 38.472 người (chiếm 46%); dịch vụ: 21.788 người (chiếm 26% tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế).

- Giai đoạn 2016-2020: Đào tạo nghề cho trên 5.500 lao động nông thôn, trong đó 3.000 người học nghề nông nghiệp, 2.500 người học nghề phi nông nghiệp. Bình quân mỗi năm dạy nghề cho 1.000 người.

- Giai đoạn 2021-2030: Đào tạo nghề cho trên 8.000 lao động nông thôn, trong đó trên 3.500 người học nghề nông nghiệp, trên 4.500 người học nghề phi nông nghiệp. Bình quân mỗi năm dạy nghề cho 800 người.

- Giai đoạn 2016-2020, tạo việc làm mới cho trên 3.000 lao động/năm và giai đoạn 2021-2030 cho trên 6.500 lao động/năm.

4.2. Giáo dục - đào tạo

- Duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng, độ bền vững các tiêu chí phổ cập giáo dục: PCGDMNTE5 tuổi, PCGDTH-CMC, PCGD THCS ở 15/15 xã, thị trấn.

- Đến năm 2020, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ từ 0-2 tuổi đạt 98,5% và đạt 99,8% vào năm 2030; trẻ em 3-5 tuổi đến lớp đạt 100% vào năm 2020.

- Duy trì tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình bậc tiểu học đạt 100% và chuyển cấp lên trung học cơ sở năm 2015 đạt 99,5%, năm 2020 đạt 99,9%. Tiếp

tục nâng cao tỷ lệ học sinh hoàn thành bậc học trung học cơ sở là 99,9% vào năm 2020; tỷ lệ học sinh chuyển lên THPT năm 2015 là 82%, năm 2020 là 85% và đạt 90% vào năm 2030.

- Đến năm 2015, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học là 45,9% và đạt 60% và 95% ở các năm 2020 và 2030.

- Đến năm 2020 có 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường học đảm bảo về trình độ lý luận chính trị, nghiệp vụ theo yêu cầu đặt ra.

4.3. Y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng

- Đến năm 2020, tỷ lệ bác sỹ/vạn dân đạt 08 bác sỹ/10.000 dân vào năm 2020 và 15 bác sỹ/10.000 dân vào năm 2030. Đến năm 2020, tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ đạt 73,3% và đạt 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi tiêm đầy đủ các loại vắc xin đạt 98,5% và đạt 99% vào năm 2030. Đến năm 2020, 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn 12,5% và dưới 8% vào năm 2030. Đến năm 2020, tỷ suất trẻ em chết dưới 01 tuổi giảm 8,8‰ và đạt dưới 5‰ vào năm 2030.

4.4. Sự nghiệp văn hóa - thể dục thể thao

- Đến năm 2020, tỷ lệ gia đình văn hóa; thôn, bản, khu phố văn hóa và cơ quan văn hóa lần lượt đạt 85%, 85% và 98%; đến năm 2030 các mục tiêu này phân đầu đạt: 90%, 90%, 98%.

- Đến năm 2020, có trên 32% dân số tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên; đến năm 2030, mục tiêu này phân đầu đạt 50%.

4.5. Phát thanh, truyền hình, thông tin và truyền thông

- Đến năm 2020, tỷ lệ hộ gia đình được xem truyền hình 100%, tỷ lệ số hộ gia đình được nghe đài TNVN 100%.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng phủ sóng điện thoại và mạng Internet. Đến năm 2020 số điện thoại/100 dân và số thuê bao Internet/100 lần lượt đạt 75 thuê bao và 05 thuê bao; đến năm 2030, các chỉ tiêu này lần lượt đạt 80 thuê bao và 12 thuê bao.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng

5.1. Hạ tầng giao thông

- Giai đoạn đến năm 2020: 100% số km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 80% số km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 65% số km đường GTNT (nội thôn, bản) được cứng hóa.

- Giai đoạn đến năm 2030: 100% số km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 98% số km đường GTNT được cứng hóa.

*** Mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ:**

- Cao tốc Hà Nội - Lào Cai: Nâng cấp với quy mô 4 làn xe.
- Cải tạo, nâng cấp QL70, QL4E và QL 4D đạt tiêu chuẩn cấp IV, cấp III các đoạn qua thị trấn mở rộng theo quy hoạch đô thị.

*** Mạng lưới đường tỉnh lộ:**

- Đường tỉnh lộ 151: *Giai đoạn 2016-2020:* Nâng cấp hoàn chỉnh đoạn Tân An - Khe Sang đạt tiêu chuẩn đường cấp V_{MN} ; xây dựng thay thế hệ thống cầu trên toàn tuyến đạt tiêu chuẩn HL93.

Giai đoạn 2021-2030: Nâng cấp mở rộng đoạn Xuân Giao - Khe Lếch dài 40km đạt tiêu chuẩn cấp III_{MN} và đoạn Tân An - Khe Sang dài 10km đạt tiêu chuẩn cấp IV_{MN} .

- Đường tỉnh lộ 152: *Giai đoạn 2016-2020:* Hoàn chỉnh xây dựng, nâng cấp tuyến Bản Dền - Thanh Phú - Tả Thàng - Xuân Giao - QL4E - Phú Nhuận, dài 50,2km với tiêu chuẩn cấp V_{MN} , riêng đoạn Xuân Giao - QL4E, dài 8,4km đạt tiêu chuẩn cấp III_{MN}

Giai đoạn 2021-2030: Nâng cấp đoạn Thanh Phú đến Bến Dền (giao QL4E), dài 47km đạt tiêu chuẩn cấp V_{MN} .

Điều chỉnh quy hoạch ĐT152 theo hướng: Sa Pa - Bản Dền - Thanh Phú - Tả Giàng - Xuân Giao - cầu Phố Lu - Km22/QL4E.

- Đường tỉnh 153: *Giai đoạn 2021-2030:* Nâng cấp đoạn Bắc Ngâm - Bắc Hà, dài 28km đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi, mặt bê tông nhựa.

- Đường tỉnh 154: *Giai đoạn 2021-2030:* Nâng cấp đoạn Bắc Ngâm đến thủy điện Cốc Ly dài khoảng 25km đạt tiêu chuẩn cấp III_{MN} .

- Đường tỉnh 157: *Giai đoạn 2016-2020:* Giữ nguyên quy mô hiện tại, nâng cấp láng nhựa toàn tuyến ĐT157 hiện tại, dài 25km. *Giai đoạn 2021-2030:* Nâng cấp đoạn từ Phong Hải đến QL279, dài 65km, đạt tiêu chuẩn cấp V_{MN} , rải nhựa.

Bổ sung quy hoạch đường vào khu du lịch sinh thái thác Đầu Nhuận xã Phú Nhuận.

Bổ sung quy hoạch đường đầu nối từ QL4E - Phú Long - Khe Đền xã Thái Niên - kết nối với đường Thái Niên - Vạn Hòa (Lào Cai).

Bổ sung quy hoạch đường Trì Quang (Bảo Thắng) - Điện Quan (Bảo Yên).

Điều chỉnh quy hoạch ĐT157 theo hướng: Phố Mới - Làng Chung - QL70 (Km172) - Phong Hải - Thái Niên - Xuân Quang (Km6 -QL4E).

- Bổ sung quy hoạch ĐT151C theo hướng Sơn Hà - Cam Cọn - Tân An - Khe Sang.

- Bổ sung quy hoạch ĐT161 theo hướng tuyến: Phố Mới - Vạn Hòa - Làng Giàng - Thái Niên - Phố Lu - Trì Quang - Kim Sơn - Bảo Hà (giao QL 279) - Lãng Khay (Văn Yên - Yên Bái).

- Bổ sung quy hoạch đường dọc sông Hồng khu vực xã Gia Phú kết nối với đường Trần Hưng Đạo kéo dài.

- Bổ sung quy hoạch đường tỉnh lộ mới từ khu vực xã Xuân Giao chạy song song với đường TL 151 hiện tại đến QL 4E.

- *Đường vận chuyển quặng*: Quy hoạch xây dựng tuyến đường tỉnh mới từ QL279 qua xã Nậm Rạng (Văn Bàn), xã Phú Nhuận nối vào ĐH66 thông ra cầu Phố Lu, tổng chiều dài tuyến khoảng 40km.

Giai đoạn 2016-2020: Nâng cấp hoàn chỉnh đoạn cầu Phố Lu - Phú Nhuận, dài 7,5km đạt tiêu chuẩn cấp IV_{MN}.

Xây dựng mới đoạn từ QL279 đến km13+350 ĐT151, dài 33km đạt tiêu chuẩn cấp IV_{MN}.

- *Giai đoạn 2021-2030*: Nâng cấp đoạn từ QL279 đến km13+350 ĐT151, dài 33km đạt tiêu chuẩn cấp III_{MN}.

*** Các tuyến đường huyện:**

Giai đoạn 2016-2020, quy hoạch đầu tư nâng cấp, nhựa hóa 5 tuyến với tổng chiều dài 32km, trong đó: Tuyến Bản Phiệt - Làng Chung (6,5 km); tuyến Phong Hải - Thái Niên - Gia Phú (9,5km); tuyến Trì Quang - Ga Nhò - xã Phố Lu (5km); Thị trấn Phố Lu - xã Phố Lu (3,0km); Cầu Lu - xã Sơn Hà (đường Sơn Hà - Cam Cọn) 6.5km.

Đường Trì Quang (Bảo Thắng) - Điện Quan (Bảo Yên) dài 12.5km, nâng cấp rải nhựa 10km, mở mới 2.5km.

*** Các tuyến đường xã, liên xã:**

Phát triển hệ thống đường xã trên địa bàn huyện phù hợp với Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Đề án Phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh.

- *Giai đoạn đến 2015*:

+ Tập trung đầu tư nâng cấp, rải cấp phối 28.7km các tuyến đường chưa có mặt trong 03 xã (Xuân Giao, Xuân Quang, Sơn Hải) thuộc Chương trình giao thông thôn mới đạt tiêu chuẩn loại A, B - GTNT.

+ Rải BTXM (dày 16-18cm) khoảng 28km đối với một số tuyến đã có mặt cấp phối.

- *Giai đoạn 2016 - 2020*

+ Tập trung đầu tư nâng cấp, rải cấp phối 174.1 km các tuyến đường chưa có

mặt trong 09 xã thuộc Chương trình giao thông thôn mới đạt tiêu chuẩn loại A, B - GTNT.

+ Rải BTXM (dày 16-18cm) khoảng 209.2km đối với một số tuyến đã có mặt cấp phối.

+ Nâng cấp hệ thống cầu, cầu tràn: 139 cầu, cầu tràn.

- *Giai đoạn 2021 - 2030:*

+ Tập trung đầu nâng cấp, rải cấp phối 136.8 km các tuyến đường chưa có mặt trong các xã thuộc Chương trình giao thông thôn mới đạt tiêu chuẩn loại A, B - GTNT.

+ Rải BTXM (dày 16-18cm) khoảng 64.7km đối với một số tuyến đã có mặt cấp phối.

*** Các tuyến đường nội thị - thị trấn:**

Tiếp tục nâng các tuyến đường nội thị - thị trấn, các khu tái định cư (TĐC).

+ Đến 2020, cơ bản hoàn thiện nâng cấp 4.5km đường khu vực kè Sông Hồng; các tuyến đường nối khu TĐC Xuân Giao - TĐC Hợp Xuân; các tuyến đường mở rộng quy hoạch thị trấn Phố Lu.

Đầu tư mở mới đường đèo nối từ QL4E - đi thôn Khe Đền xã Thái Niên dài 3km.

+ Xây mới đường nội bộ các khu TĐC Sơn Hà, TĐC Xuân Giao (đọc đường Bản Dền - Thanh Phú (huyện Sa Pa)).

+ Sửa chữa, nâng cấp các đường nội thị.

*** Đường sắt:**

- Nâng cấp tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; nghiên cứu xây mới đường sắt kết nối với đường sắt Trung Quốc.

- Cải tạo tuyến đường sắt Phố Lu - Cam Đường đảm bảo tốt hơn việc chuyên chở quặng, hàng hóa và hành khách khi có nhu cầu.

- Nâng cấp, cải tạo Ga Phố Lu.

*** Vận tải hành khách công cộng:** Mở mới các tuyến vận tải hành khách công cộng như sau:

- Tuyến thành phố Lào Cai - QL4E - ĐT 151 - thị trấn Tầng Loòng.

- Tuyến Phố Lu - QL4E - ĐT 151 - thị trấn Tầng Loòng.

- Tuyến Phố Lu - ĐT 152 - ĐT 151 (qua thị trấn Tầng Loòng) - QL 279 - thị trấn Khánh Yên (Văn Bàn).

- Tuyến thành phố Lào Cai - Nút giao IC18 - Cao tốc Nội Bài, Lào Cai -

Nút giao IC16 - QL 279 - Bảo Hà (buýt nhanh).

- Tuyển thành phố Lào Cai - QL 70 - Thị trấn Phố Ràng (Bảo Yên).

- Tuyển thành phố Lào Cai - Bản Phiệt - Bản Cầm - Phong Hải - Bắc Ngâm - (QL 70) - Bảo Nhai - Nậm Mòn - Thị trấn Bắc Hà (ĐT153).

- Tuyển thành phố Lào Cai - Bản Phiệt - Bản Lầu - Lũng Vai - Thanh Bình - Thị trấn Mường Khương.

*** Phát triển công trình giao thông:**

- Nâng cấp bến xe Bảo Thắng tối thiểu theo tiêu chuẩn bến xe loại 2.

- Đầu tư xây dựng bến mới tại thị trấn Tăng Loóng theo tiêu chuẩn bến xe loại 2.

- Đầu tư xây dựng bến mới tại Xuân Quang theo tiêu chuẩn bến xe loại 6.

- Quy hoạch hệ thống bến bãi đỗ xe trên địa bàn huyện đảm bảo thuận tiện, an toàn giao thông.

*** Phát triển giao thông đường thủy:**

Chỉnh trị sông Hồng, tập trung nạo vét tuyến đường thủy nội địa Hà Nội - Việt Trì - Lào Cai để đảm bảo vận tải đường thủy Yên Bái - Lào Cai - đạt tiêu chuẩn cấp 4.

5.2. Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp nước sản xuất và sinh hoạt

Giai đoạn 2016-2020: Phân đầu nâng tỷ lệ kênh được kiên cố hóa từ 95% năm vào năm 2020 và đạt 100% vào năm 2030.

- Ưu tiên đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ thâm canh các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô vừa và lớn. Quy mô công trình gồm: Đầu mối xây dựng kiên cố, tuyến kênh chính, kênh nhánh và công trình trên kênh.

- Giai đoạn 2016-2020: Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt để đạt 90% số km cấp nước sinh hoạt và sản xuất được nâng cấp, xây mới vào năm 2020.

- Giai đoạn 2021-2030: Tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt để phân đầu đạt 100% số km cấp nước sinh hoạt được nâng cấp, xây mới vào năm 2030.

5.3. Phát triển mạng lưới điện

Tiếp tục đầu tư mới và nâng cấp các công trình cấp điện sinh hoạt, giao thông nông thôn phân đầu đến năm 2020, 100% điện lưới, đảm bảo chất lượng chiếu sáng. Trong các công trình điện, trước mắt ưu tiên đầu tư cho các công trình điện phục vụ sản xuất cho các KCN, CCN.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về chiến lược bảo vệ Tổ

quốc trong tình hình mới, nhất là công tác bảo vệ an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Tăng cường công tác giáo dục kiến thức quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, công tác huấn luyện, diễn tập cho lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

- Xây dựng thế trận an ninh nhân dân, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Bám sát cơ sở, nắm chắc âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch. Củng cố địa bàn xung yếu, xóa ổ, nhóm, tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội.

7. Định hướng phát triển đô thị

- *Cụm đô thị Phố Lu - Tầng Loông*: Là trung tâm chính trị, hành chính, công nghiệp chế biến khoáng sản, khoa học kỹ thuật, dịch vụ thương mại của huyện và của tỉnh. Đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị để cụm đô thị trở thành đô thị loại IV vào năm 2020 và cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại III vào năm 2030.

Địa giới hành chính và cơ sở hạ tầng đô thị của thị trấn Phố Lu và thị trấn Tầng Loông dự kiến được điều chỉnh, phát triển như sau:

+ *Đối với thị trấn Phố Lu*: Quy hoạch phát triển về phía Tây (bờ hữu sông Hồng) để kết nối với thị trấn Tầng Loông; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu ở dân cư đô thị phục vụ cho công nhân, cán bộ làm việc trong Khu công nghiệp.

+ *Đối với thị trấn Tầng Loông*: Điều chỉnh một phần diện tích (710 ha) từ xã Xuân Giao sang thị trấn Tầng Loông, trong đó điều chỉnh toàn bộ các thôn (Hợp Xuân 2, thôn Cù 1, thôn 5) và một phần diện tích các thôn (Hợp Xuân 1, Cù 2) của xã Xuân Giao sang thị trấn Tầng Loông.

- Đô thị Bắc Ngâm (xã Xuân Quang): Quy hoạch xây dựng đô thị và có các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đô thị trong thời gian tới, đạt tiêu chí đô thị loại V vào năm 2020.

- Đô thị Bản Phiệt: Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng trung tâm xã để phát triển xã Bản Phiệt thành đô thị loại V vào năm 2020.

- Nâng cấp các thị tứ, trung tâm cụm xã trở thành đô thị loại V vào năm 2030: Xuân Giao, Phú Nhuận, Thái Niên.

IV. Một số giải pháp phát triển

1. Giải pháp tăng cường huy động vốn đầu tư

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi: (i) Về đất đai: giao đất không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền sử dụng đất, miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định cụ thể đơn giá thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải...; (ii) Ưu đãi về thuế, vốn tín dụng; (iii) Hỗ

trợ đầu tư: hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực, thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu.

- Trong khuôn khổ của pháp luật về đất đai, tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất để bổ sung thêm vào nguồn vốn ngân sách thông qua việc thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất.

- Huy động sức dân đồng thời tranh thủ các nguồn vốn ODA để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm; ưu tiên cho phát triển giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, hạ tầng nông thôn. Thực hiện chủ trương *Nhà nước và nhân dân cùng làm* để bê tông hóa kênh mương, xây dựng và kiên cố hóa hệ thống giao thông nông thôn. Đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, thể dục thể thao.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực, trong đó xác định rõ cơ cấu ngành nghề, tỷ trọng trong các lĩnh vực, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện.

- Thực hiện tốt chính sách thu hút cán bộ do tỉnh ban hành nhằm thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề về huyện xây dựng và phát triển kinh tế.

- Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển đào tạo nghề và giáo dục.

3. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ và môi trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hóa công nghệ trong những ngành có lợi thế như khai thác, chế biến khoáng sản; chế biến nông, lâm thủy sản.

- Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Giải quyết căn bản được các vấn đề về giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao.

- Khai thác gắn với bảo vệ tài nguyên giữ gìn môi trường sinh thái. Có kế hoạch cải tạo đất, chống xói mòn, bạc màu, đẩy mạnh các biện pháp cải tạo và làm giàu đất.

4. Giải pháp về sử dụng đất

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của huyện.

- Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở tất cả các cấp và các ngành trên địa bàn huyện; đưa nội kế hoạch sử dụng đất vào triển khai có hiệu quả và bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

- Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đất đô thị. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Giao đất theo tiến độ, năng lực khai thác sử dụng thực tế đối với tất cả các trường hợp có nhu cầu sử dụng đất mới.

5. Giải pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước

- Tham mưu cho tỉnh và thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển nông nghiệp: sản xuất giống, chăn nuôi gia súc, cây trồng có giá trị kinh tế cao, rừng sản xuất và phát triển vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.

- Tham mưu cho tỉnh và thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển công nghiệp: đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển vùng nguyên liệu, quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản và tài nguyên rừng.

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về phát triển xã hội: xã hội hóa giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa và thể thao; giảm nghèo nhanh và bền vững; xây dựng thôn bản, đời sống văn hóa; đào tạo, thu hút nguồn nhân lực.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hoạt động của bộ phận một cửa liên thông hiện đại cấp huyện, bộ phận một cửa tại các xã, thị trấn đảm bảo hiệu quả, chất lượng, đúng quy định của Nhà nước.

- Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị các cấp; thực hiện tốt Nghị quyết của Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức.

V. Tổ chức thực hiện quy hoạch

Trên cơ sở các mục tiêu quy hoạch, xây dựng cụ thể chương trình thực hiện, kế hoạch hành động nhằm đạt được mục tiêu quy hoạch đề ra.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, chú trọng vào các dự án trọng điểm có sản phẩm chủ lực, mang tính quyết định đến sự thành công trong thực hiện mục tiêu quy hoạch.

Xây dựng các chương trình, đề án trọng tâm của huyện theo các lĩnh vực, các sản phẩm chủ lực của huyện và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, tạo động lực mới cho phát triển sản xuất - kinh doanh của nhân dân; có các chính sách thực sự khuyến khích, ưu đãi đối với việc phát triển sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chủ lực này về thị trường tiêu thụ, về vốn và đất đai.

Từng bước cụ thể hóa công tác quy hoạch và đưa vào các kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm để thực hiện. Ngoài ra, tùy theo sự thay đổi của tình hình

kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, dự án quy hoạch tổng thể của huyện cần được bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp với quá trình phát triển.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Giao các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ UBND huyện Bảo Thắng nghiên cứu xây dựng và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Bảo Thắng trong từng giai đoạn nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư để bảo đảm thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của huyện Bảo Thắng đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, xem xét điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan được nêu trong Quy hoạch.

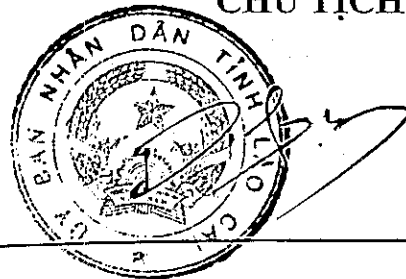
Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 24/02/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bảo Thắng đến năm 2020. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan của tỉnh và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Như Điều 5 QĐ;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn;
- Huyện ủy, UBND huyện Bảo Thắng;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Công báo Lào Cai, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, THCB, Các CV. *huc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Doãn Văn Hưởng

Phụ lục: Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016 - 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1980/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của UBND tỉnh Lào Cai)



1. Phát triển sản xuất nông, lâm thủy sản

- Phát triển vùng chè chất lượng cao.
- Lúa chất hàng hóa lượng cao.
- Trồng rau an toàn.
- Phát triển và xây dựng thương hiệu cho bưởi Múc.
- Cây na trên sườn núi.
- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- Phát triển nuôi cá nước lạnh.
- Phát triển rừng sản xuất.

2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tập trung Tầng Loóng.
- Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng 04 cụm TTCN: Gia Phú; Xuân Quang, Bản Phiệt, Xuân Giao.
- Xây dựng cơ sở chế biến sâu sản phẩm tinh dầu quế.
- Phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.
- Dự án khai thác và tuyển quặng Apatit Phú Nhuận.
- Dự án xây dựng nhà máy DAP và hóa chất cơ bản.
- Dự án nhà máy tuyển quặng loại II.
- Dự án nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện công nghệ cao.
- Nhà máy thép hình công nghệ cao.
- Dự án xử lý nước thải, rác thải KCN Tầng Loóng.

3. Các dự án cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi, đô thị...)

- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch thác Đầu Nhuận, xã Phú Nhuận.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thị trấn Phố Lu, thị trấn Tầng Loóng.
- Xây dựng chợ biên giới tại lối mở Bản Quẩn, xã Bản Phiệt.
- Nâng cấp, xây mới 03 chợ thị trấn.
- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường huyện.
- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã, liên thôn.

- Xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông, lâm và nuôi trồng thủy sản.

- Nâng cấp, cải tạo các công trình cấp điện phục vụ sản xuất và dân sinh.

- Xây dựng các công trình cấp nước tập trung và các hình thức khác phục vụ sinh hoạt.

4. Các dự án phát triển văn hóa, xã hội, môi trường

- Kiên cố hóa các trường học.

- Xây dựng Bệnh viện Đa khoa thị trấn Tầng Loóng.

- Xây dựng nâng cấp các trạm y tế xã, thị trấn.

- Xây dựng nhà văn hóa xã.

- Xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản.

- Xây dựng nhà máy xử lý nước thải, rác thải tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

ly